

HOMMAGE A PETRUS KY

Texte bilingue

Certains touristes étrangers d'origine vietnamienne ne manquent pas d'aller voir le mausolée saonnais de Trưòng Vĩnh Ký - plus connu sous le nom de Petrus Ký - lorsqu'ils reviennent au pays natal.

Le Viet Nam moderne doit à cet homme de savoir polyglotte et polyvalent sa vigoureuse participation à la propagation de la langue vietnamienne moderne en alphabet latin, au 19^e siècle.

Grâce à son arrière petit-fils Clément Davant, notre condisciple de la promotion 1965 du lycée Jean-Jacques Rousseau (et cousin de Gérard, Eliane et Christine Trưòng Vĩnh Tồng, anciens de Jean-Jacques Rousseau et de Marie Curie) qui nous a prêté ce document, notre magazine est heureux de vous présenter l'hommage bilingue rendu en décembre 1927 à ce serviteur de la modernité :

- *l'attribution de son nom au lycée issu de la scission de notre propre lycée Chasseloup-Laubat (ancien nom du lycée Jean-Jacques Rousseau) en deux parties,*
- *son élévation posthume par la Cour d'Annam au titre de Lễ Bộ Thượng Thư (Ministre des Rites),*
- *le discours du Gouverneur de Cochinchine d'alors, Monsieur Blanchard de La Brosse, le jour de l'inauguration de la statue le représentant.*
Notons qu'il s'agit bien du même Blanchard de La Brosse dont le musée du Jardin Botanique de Saigon a longtemps porté le nom, et qui est devenu l'actuel Musée d'Histoire de Saigon

Un très long article sur Petrus Ky paraîtra cet été dans le présent magazine.



Aller à la page suivante

KỶ-NIỆM PHƯƠNG-DANH

PÉTRUS TRƯƠNG-VINH-KY

Đại Văn-Sĩ Nam-kỳ

(1837-1898)



Bức-thơ của quan Thống-sứ Trung-kỳ cho hay rằng Triều-đình Nam đã truy tặng cho Trương-vinh-Kỳ Tiên-sanh chức Lễ-bộ Thượng-thư.

Nghị-định của quan Thống-đốc Nam-kỳ đặt tên cho « Pétrus Ký Tạc-Học-Dương. »

Bài Diễn-thuyết của quan Thống-đốc Nam-kỳ đọc giữa lễ Khánh-thành cuộc dựng hình ông Pétrus Ký.

A LA MÉMOIRE DE

PÉTRUS TRUÔNG-VINH-KY

Grand lettré de Cochinchine

(1837-1898)



Lettre du Résident Supérieur en Annam faisant connaître que le Gouvernement Annamite a décerné à Trương-vinh-Kỳ le titre posthume de Ministre des Rites.

Arrêté du Gouverneur de la Cochinchine portant dénomination du « Collège Pétrus Ký. »

Discours du Gouverneur de la Cochinchine à l'inauguration de la statue de Pétrus Ký.

A LA MÉMOIRE DE

PÉTRUS TRUÔNG-VĨNH-KÝ

Grand lettré de Cochinchine

(1837-1898)

Lettre du Résident Supérieur en Annam faisant connaître que le Gouvernement Annamite a décerné à Truong-vinh-Ký le titre posthume de Ministre des Rites.

Arrêté du Gouverneur de la Cochinchine portant dénomination du « COLLÈGE Pétrus Ký. »

Discours du Gouverneur de la Cochinchine à l'Inauguration de la statue de Pétrus Ký.

Huế, le 23 Décembre 1927.

*Le Résident Supérieur en Annam
à Monsieur le Gouverneur de la Cochinchine,*

A SAIGON.

J'ai l'honneur de vous faire connaître que
le Gouvernement Annamite a décerné, à titre
posthume, à **TRUONG-VINH-KY** le titre de
Lê-bô Thuong-Tho (Ministre des Rites).

FRIÈS.

Huế, ngày 23 Décembre 1927.

*Quan Thống-sứ Trung-kỳ
gởi cho Quan Thống-đốc Nam-kỳ.*

Ở SÀI-GÒN.

Tôi kính lời cho Quan lớn hay rằng Triều-
đình An-nam đã truy tặng cho **TRUONG-
VĨNH-KÝ** Tiên-sanh chức **Lê-bộ Thuợng-
thơ**.

FRIÈS.

ARRÊTÉ

PORTANT DÉNOMINATION DU
COLLÈGE PÉTRUS KY

LE GOUVERNEUR DE LA COCHINCHINE

Officier de la Légion d'Honneur,

Vu le décret du 20 Octobre 1911, fixant les pouvoirs du Gouverneur de la Cochinchine et des Résidents Supérieurs en Indochine ;

Vu le Règlement général de l'Instruction Publique en Indochine du 21 Septembre 1917, modifié par l'arrêté du 20 Juin 1921 ;

Sur la proposition du Chef local du Service de l'Enseignement,

ARRÊTE :

Article premier. — Le Collège Franco-Indigène en achèvement à Choquan prendra le nom de « Collège Pétrus KY ».

Art. 2. — L'Administrateur, Chef de Cabinet, et le Chef du Service de l'Enseignement en Cochinchine sont chargés, chacun en ce qui le concerne, de l'exécution du présent arrêté.

Saigon, le 18 Décembre 1927.

B. DE LA BROSSE.

NGHỊ-ĐỊNH

ĐẶT TÊN CHO
PÉTRUS KÝ TRUNG-HỌC-ĐƯỜNG

QUAN THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ

Thượng-thọ Tứ-d đẳng Bửu-Tinh,

Chiếu chỉ dụ ngày 20 Octobre 1911 định quyền hành quan Thống-đốc Nam-kỳ và các quan Thống-sứ Đông-pháp ;

Chiếu Tổng-qui về Học-chánh Đông-pháp ngày 21 Septembre 1917, có nghị định ngày 20 Juin 1921 canh cải lại ;

Theo lời tư-trình của quan Thủ-lãnh Sở Giáo-huấn bôn-quốc,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất. — Trường Trung-học Pháp-Việt cất gần rồi tại Chợ-quán sẽ lấy tên « Pétrus KÝ Trung-học-đường ».

Điều thứ nhì. — Quan Tham-biện, Thủ-lãnh Văn-phòng Soái-phủ, và quan Thủ-lãnh Sở Giáo-huấn Nam-kỳ, các tùy chức-phận, lịnh thi-hành nghị-định này.

Saigon, ngày 18 Décembre 1927.

B. DE LA BROSSE.

DISCOURS

prononcé par M. le Gouverneur de la Cochinchine à la cérémonie d'Inauguration de la statue de Pétrus KY le 18 Décembre 1927.

Messieurs,

Le Gouvernement de Cochinchine a tenu à s'associer, dès les premiers jours, à la souscription ouverte par un groupe de notables Annamites, en vue de l'érection d'un monument à la mémoire de Pétrus Truong-vinh-Ky, demeuré célèbre sous le nom de Pétrus Ky. C'est de grand cœur que le Chef actuel de la Colonie ajoute l'autorité de sa présence à la cérémonie dont l'inauguration de cette statue est l'objet. Des voix qualifiées ont dit ce que fut l'érudit, dont la modestie égalait la science, à qui les Annamites de la Cochinchine doivent tant de petits livres de morale, d'enseignement, de vulgarisation, et les savants de l'Occident, tant d'ouvrages qui font encore autorité.

Formé tout d'abord aux strictes disciplines du vieil enseignement traditionnel, Pétrus Ky, à la faveur de ses voyages, ouvrit de bonne heure ses yeux sur l'Occident. Tout jeune, il

BÀI DIỄN-THUYẾT

Của quan Thống-dốc Nam-kỳ đọc giữa lễ khánh-thành cuộc dựng hình ông Pétrus Ký ngày 18 Décembre 1927.

Thưa các ngài,

Chánh-phủ Nam-kỳ, từ lúc ban sơ, đã có ý dự cuộc lạc-quyền của một hội thân-hào Annam mở ra dựng dựng lên một cái hình đề kỷ-niệm phượng-danh Pétrus Trương-vĩnh-Ký, đã nổi tiếng khắp cùng, người thường kêu là Pétrus Ký. Ngày nay vị Thủ-hiến Thuộc-dịa đương-quyền đây cũng rất vui lòng thân hành đến nơi dựng làm cho thêm rõ ràng cuộc lễ khánh-thành sự dựng lên hình ấy. Nhiều vị tri-thứ đã nói trước rồi việc sanh-liên của vị bác-học mà bề khiêm-nhượng vẫn xứng tài-năng, mà người Annam ở xứ Nam-kỳ đã nhờ dựng rất nhiều sách-vở về luân-lý, về giáo-huấn, về học-thuật phổ-thông, và nhiều bức bác-sĩ phương Tây đã thọ rất nhiều thơ-quyền cho đến ngày nay cũng hãy còn thế-lực.

Trước hết thì ông Pétrus Ký học theo nề-nếp nghiêm-trang của phượng giáo-dục thuở xưa truyền lại; đến sau ngài nhờ mấy lúc đi xa mới sớm mở mắt lưu-tâm về Tây-vực. Tuổi rất nhỏ

sut le français, l'anglais, l'espagnol, l'italien, le portugais, qui lui étaient presque aussi familiers que les langues de l'Extrême-Orient. Ainsi, sa double culture, formée dans l'étude des meilleures productions de l'Europe et de l'Asie, le préparait à devenir comme un arbitre entre les conceptions des deux mondes, à ménager une transition, entre un passé qui n'était pas sans grandeur et un avenir, qui, au point de vue du progrès humain, s'ouvrait plein de promesses. Pétrus Ký avait vingt-deux ans à peine, lorsqu'il se trouva appelé à prendre parti dans le conflit, pour lui le plus redoutable et le plus délicat :

Sincèrement attaché à son pays, et si profondément à sa race, qu'il refusa toujours la naturalisation française pour demeurer annamite, mais ému autant de la misère du peuple, que des troubles profonds et des persécutions qui le divisaient, ayant conservé le souvenir amer d'une enfance passée souvent à fuir, soit sur la rivière, soit dans la forêt, les agents de Minh-Mang ou les délateurs, frappé aussi des résultats

mà ngài đã hiểu thông tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Tây-ban-nha, tiếng Ý-dại-lợi, tiếng Bồ-dào-nha; ngài dùng các tiếng ấy dễ-dàng gần như mấy thứ tiếng nói ở miền Viễn-dông. Nhờ ngài học dựng hai phía, theo những văn-chương kiệt-tác của Âu-châu và Á-châu như vậy, cho nên ngài mới có đủ bề thành ra dường như một vị đứng lên mà phán-đoán cho bao nhiêu tư-tưởng của hai thế-giới đối nhau, mới có bề dọn chỗ tương-giao tiêm-lấn cho một cuộc ký-vãng chẳng phải là chẳng hiển-vinh cao-thượng, và một cuộc tương-lai dường mở ra đầy-dẫy hi-vọng cho cơ lẩn-hóa của con người. Pétrus Ký vừa dựng hai-mươi-hai tuổi đầu thì phải buộc mình theo một tôn-chỉ trong cơn xung-đột giao-thời, mà đối với phận-sự ngài thì thiệt là đáng kinh tâm và lấy làm khó xử hơn hết.

Trung-thành quyến-luyến quê-hương và thương nỗi giống thâm-tình cho đến nỗi ngài vẫn từ hoài chực dân Langsa, cứ dễ làm dân Nam-Việt; nhưng mà ngài xót nỗi nơn-dân cùng-khốn, lại còn phải chịu rĩ-phân vì có nhiều điều rối loạn thâm-căn và lắm sự hung-tàn khốc-hại, ngài thêm chạnh nhớ thuở mình còn thơ-ấu, phải chạy ngược trốn xuôi, khi dưới rạch lúc trên rừng, cho khỏi mắc kẻ tay chơn của nhà vua Minh-mạng hoặc mấy người diêm-chỉ lập-công; ngài cũng lấy làm lạ

remarquables réalisés dans la péninsule malaise sous la haute direction de la Grande-Bretagne, Pétrus Ky fut un des premiers parmi la jeune élite indigène de l'époque, qui, dans un sentiment dont le patriotisme n'était pas exclu, accepta de prêter son concours à l'homme éminent, Jauréguiberry, appelé à prendre le commandement de la première base navale française à Saigon.

D'un loyalisme qui ne se démentit jamais à la cause qu'il avait embrassée, c'est avec une juste fierté qu'en 1886, Pétrus Ky pouvait écrire au Président du Conseil, Ministre des Affaires Étrangères : « Depuis 1860, je n'ai cessé de servir la France ». L'impulsion qui l'avait poussé à le faire, dès l'éveil de sa maturité politique, avait été confirmée, il faut le noter, par les leçons du magnifique voyage qu'il accomplit en Europe, où il accompagna l'Ambassadeur Phan-thanh-Giang, envoyé par le Cour de Hué à Napoléon III, et par un voyage qu'il fit quelques années plus tard en 1876 au Tonkin. Admis en France dans le monde des lettres et des sciences, où il connut Duruy, Victor Hugo, Littré,

mà xem thấy những công-hiệu tốt-lành đặc-biệt đã lập-thành trong bản-đảo Mĩ-lai, dưới quyền nước Anh cai-trị; cho nên ngài bắt nòng lòng tức chí, rồi cũng vì càu ái-quốc, mà giữa bọn thanh-niên anh-tuấn đương thời, trong mấy người hiệu tài trước hết, ngài mới dành ra thân giúp sức cho đứng tài-ba lợi-lạc là ông Jauréguiberry, người đương phụng mạng thống-suất chỗ thủy-quan trọng-địa trước hết của Pháp-quốc ở tại Saigon. Pétrus Ky lựa nơi phò-tá xong rồi, thì quyết một dạ trung-thành không đổi; cho nên trong năm 1886, ngài thiết khoản chỉ rất xứng đáng mà viết ra lời này cho quan Thủ-tướng nghị-trưởng Pháp-quốc hội-ngị, kiêm Ngoại-giao-bộ : « Từ năm 1860 tới nay tôi chẳng hề thôi phụng-sự Đại-pháp. » Lòng ngài đã khiến cho ngài làm vậy khi ngài vừa đủ trí khôn, biết trư càu quốc-sự, song phải nhớ rằng cái chí của ngài mà định-lập như thế, thì cũng nhờ ngài thọ nhiều phong hóa khi ngài trảy sang Âu-châu một cách rõ-ràng, theo quan Khâm-mạng đại-thần Phan-thanh-Giang đi sứ cho Triều-Huế đến yết kiến lệnh Nãi-phà-luân đệ tam Hoàng-đế, và khi ngài đi ra Bắc-kỳ cách mấy năm sau, là năm 1876. Bên Pháp-quốc ngài dạo hoan nghênh trong các làng văn và bác-vật, nơi đó thì ngài biết dạng mấy vì cự-phách như ông Duruy, ông Victor Hugo, ông Littré, ông

Renan, Paul Bert, Pétrus Ky était demeuré frappé d'admiration pour ces représentants éminents de la civilisation occidentale ; l'ordre, la prospérité, qu'il avait vus partout en Europe, n'avaient pas moins retenu son attention. Ce grand esprit n'avait pas manqué de tirer de ce spectacle de fortes déductions sur les résultats à espérer pour la rénovation de sa patrie, de larges emprunts à des méthodes, qui, sur les rivages de l'Atlantique et de la Méditerranée, avaient témoigné de leur efficacité et de leur puissance. Il y songait certainement, lorsqu'à son retour du Tonkin, il écrivait, en 1876 : « Ma poitrine s'est soulevée tristement au spectacle des misères qui divisent cette malheureuse population du Tonkin... J'ai causé beaucoup avec les principaux fonctionnaires ; j'ai constaté que presque tous sont dégoûtés de leur position, à cause de l'obligation où ils sont de suivre servilement des usages enracinés, incompatibles, sinon contraires, à la marche pratique des idées de progrès. Celui-là est livré à une spoliation sans merci, qui n'est ni mandarin, ni lettré, ni maire, ni notable, ni allié ou ami de quelque puissant personnage. Le rentier tremble pour ses revenus qu'il dissimule, le commerçant tremble pour son commerce qu'il fait

Renan, ông Paul Bert, — Pétrus Kỳ bèn ngạc nhiên, hết lòng khâm-phục mấy bậc anh-tài ấy, thiết là rõ mặt đại-biểu phi-thường của văn-hóa Tây-phương. Ngài còn thấy khắp cõi Âu-châu, dầu đó cũng có trật-tự thanh bình, cũng là thanh-hưng phú-lúc, rồi ngài bắt lưu-tâm về đó luôn luôn. Cái trí vĩ-dại của ngài, thấy cảnh-tượng ấy rồi, thì chắc không khỏi suy nghĩ đến nhiều việc cang-cường thấu-dào về những hi-vọng phục hưng quốc-vận và những đều lợi-dụng các phương-pháp đã cho thấy hiệu-nghiệm và thế-lực ở trên mé Đại-tây-dương và Địa-trung-hải. Chắc ngài tưởng đến đều ấy khi ngài ở Bắc-kỳ về, viết ra mấy lời này, trong năm 1876 : « Lòng tôi rất náo-nùng mà thấy nhiều đều cùng-khôn, làm cho li-tàn nhơn-dân cực-khò ở xứ Bắc-kỳ... Tôi có nói chuyện nhiều lần với các ông quan lớn ; tôi thấy các ông ấy, gần hết, đều chán-ngán địa-vị của mình, vì phải ép trí mà theo cách nò-lệ những phong-tục thâm-căn cố-đế không có thích-hiệp, lại có khi còn nghịch hẳn với đều tấn-bộ thật-hành của các tư-tướng hóa dân. Ai mà chẳng phải ông quan, ông đồ, ông xã, ông hương, ông sui hay là ông bạn của cụ lớn nào, thì vẫn chịu cho con người sâu một chẳng chút nhơn tay. Kẻ có vốn cho vay thì run sợ cho đồng lời, mắng lo giấu giếm ; con buôn thì run

presque à la dérobée, l'industriel tremble pour son industrie, car la fortune des uns et des autres est livrée à la cupidité de toute la hiérarchie du fonctionnarisme. Aussi, n'est-ce pas sans un regard d'envie, qu'ils comparent parfois leur sort à celui des habitants de la Basse-Cochinchine. Il reste en moi la conviction intime, écrit-il encore, que le Gouvernement de Hué est impuissant... et que la France seule est capable de relever cette nation qui s'étiolé ».

Frappé de tant de souffrances, Pétrus Ký emploiera désormais tous ses talents et toutes ses forces à préparer, avec l'assistance et le concours de la France, le relèvement de la nation annamite. Tant en Cochinchine, comme directeur d'école, professeur à l'École des Stagiaires, conseiller municipal et publiciste, qu'au cour de missions délicates à Hué, il rendit aux deux pays qu'il servait, avec un dévouement identique et un désintéressement qui ne se démentit jamais, d'immenses services.

L'année 1886 marque le point culminant, dans l'ordre politique, de son action. C'est l'époque où Paul Bert, membre de l'Institut, nommé Résident Général en Annam et au Tonkin, apporte

souffrance cho cuộc bán buôn của mình, cứ làm gần-như núp lén; nhà công nghệ thì run sợ cho công nghệ của mình, bởi vì gia sản ai ai cũng phải bị đều tham-lạm của cả hàng quan lại đương thời. Bởi vậy cho nên như dân ấy một hai khi bắt đem so sánh phận mình với bề dân sự trong Nam, rồi trong cơn mắt chẳng phải là chẳng lộ tình tức sao không dặng vầy.» Pétrus Ký còn nói thêm lời này: « Trong trí tôi tưởng chắc rằng Triều-dinh Huế không đủ thể-lực... và chỉ có một mình Pháp-quốc mới có bề chấn-hưng một nước đương điêu-làn như thế mà thôi. »

Đau lòng vì thấy như-dân đồ-thần, từ đây Pétrus Ký mới quyết chí binh sanh, dụng tài hiệu lực, cùng với Đại-pháp chung công vừa giúp, mà làm cho nước Nam hưng-vượng cơ đồ. Dầu ở tại Nam-Trung, lãnh chức Đốc-học, làm Giáo-sư tại trường Hậu-bồ, hoặc làm Nghị-viên thành-phố, cùng chuyên nghề trước-tác phổ-thông, dầu phụng trọng-sai mấy lần ra Huế, ngài vẫn không-phò hai nước, giúp biết bao công cán thận-cần với một lòng vì nghĩa chẳng lay, một dạ quên mình không đòi.

Năm 1886 là năm thể-lực của ngài lên cao tột bậc trong đường quốc-chánh. Ấy là lúc ông Paul Bert, hội-viên của Pháp-quốc bác-học-viện, lãnh chức làm Thống-sứ Trung-kỳ và Bắc-kỳ,

en Indochine une immense espérance : recréer, sous une autorité unique, cet empire qu'avec le concours d'une poignée de Français, Gia-long avait le premier constitué, que ses successeurs avaient laissé périliter et qu'avec quelques Annamites éclairés, nous devions refaire très élargi dans la péninsule indochinoise.

Paul Bert avait pensé qu'avec son savoir universel, sa perception des moindres nuances de la langue française, alliée à une culture asiatique approfondie, Pétrus Ky pouvait être un auxiliaire extrêmement précieux à Hué. Pétrus Ky fut plus qu'un auxiliaire ; il semble bien qu'il fût, en quelques circonstances, le conseiller et peut être même l'inspirateur de l'illustre Résident Général. Le moins que l'on puisse dire, est que la politique de Paul Bert, large et tolérante, sans cesser d'être ferme, à l'égard de la Cour de Hué, concordait avec les sentiments intimes de Pétrus Ky. Nul mieux que lui, en tout cas, ne servit avec plus de fidélité, à Hué, le mandataire de la France. Je vais achever de convaincre les lettrés de l'Annam, écrivait-

dem tời cõi Đông-pháp này một điều hi-vọng rất cao-xa : là dùng một quyền thống-nhứt mà chấn-hưng lại dải giang-san của xưa kia dừc Gia-long, nhờ ít người Langsa phò-tá, đã gây-dựng lên trước hết, mà các vị vương kế-vị đã để cho rầy phải suy-vi ; nhưng mà giang-san ấy thì nước Đại-pháp phải gánh lấy trách nhậm dùng vài người Annam tri-thức mà làm cho rộng thêm bờ-cõi trong miền bán-đảo Ấn-độ-chi-na.

Ông Paul Bert đã nghĩ rằng Pétrus Kỳ là người đa văn quảng kiến, hiểu thông tiếng Pháp cho tới mây-mùn xa gần, lại có tài học nhu uần-súc, thì phải là người giúp công rất qui dễ dùng tại Huế. Nhưng mà Pétrus Kỳ còn làm hơn một kẻ giúp công thường vậy ; có nhiều cơ-hội ngài thiết dường như một viên cố-vấn trọng-thần, lại cũng có lẽ như một người hướng-dạo tỏ bày ý-kiến cho vị Thống-sứ trước danh là ông Paul Bert đó vậy. Ít nữa người ta cũng có thể nói đều này, là cái chánh-sách của ông Paul Bert đối với triều đình Huế, đại-dộ khoan-dung mà chẳng ra bề nhu-nhược, thì thích-hiệp với thàm-tình bồn-tánh của Pétrus Kỳ rất nhiều. Dầu thế nào, chẳng ai giúp sức cho dặng trung-tin hơn ngài tại Huế người khâm-sai của Đại-pháp phải đến cõi Nam. Khi ấy ngài có viết ra lời này : « Tôi sẽ rán làm cho mấy người nhu-học nước Nam tin chắc đều

il alors, que l'Annam ne peut rien sans la France, pas plus qu'il ne peut rien contre elle ».

Que de malentendus auraient été évités, sans doute, si le savant et le lettré avaient pu continuer longtemps une collaboration féconde ! Le Destin ne le voulut pas : la mort enleva prématurément Paul Bert à sa grande œuvre ; Pétrus Ky souffrit des jalousies et des inimitiés que suscite trop souvent le mérite, quand une autorité efficace cesse de l'appuyer.

Il se retira dans sa petite maison de Choquan, qu'animaient tant de ses enfants et petits-enfants et, comme le sage, reprit dans la sérénité de sa retraite, sur le bord du *rach* paisible, à l'ombre des grands arbres, ses travaux interrompus de pédagogie, d'histoire et de linguistique, qui constituent ses meilleurs titres à l'attention de la postérité. Comme il l'a écrit, un souci constant l'animait : servir d'intermédiaire entre les deux peuples qui venaient de se rencontrer en Cochinchine, permettre à ces deux peuples de se comprendre et de s'aimer, en traduisant continuellement du français en

này, là Nam-bang chẳng làm chi động nếu không nương nhờ Pháp-quốc, và Nam-bang cũng chẳng làm chi động mà nghịch cùng Pháp-quốc. »

Chớ chi người bác-học với bực tư-vấn cả hai có thể chung cùng tài-lực lâu dài trong một cái công-trình kết-quả nhiều-phong, thì có lẽ đã tránh được biết bao nhiêu nỗi nghi-nau lẫn-lạc !

Số phần chẳng khứng : vận vô-thường sớm rước ông Paul Bert, không để cho người làm luôn công-nghiệp cũ. Pétrus Ký bèn bị đủ điều ganh-ghét gièm-pha của kẻ đổ tài tật năng, như người đời thường thấy, khi quyền bính-chánh hết đỡ tới lương thiện.

Ngài lánh về quê-kiểm, ở trong một cái nhà nhỏ cất nơi Chợ-quán, giữa cháu con quanh gối vui-vầy, và, theo thú người hiền, trong vùng yên-dật tịnh-yên, trên mé rạch im-lìm, dưới bóng cây cao mát-mẻ, ngài mới cầm lại ngọn bút ngày xưa mà soạn tiếp mấy pho sách luận về khoa giáo-dục, về lịch-sử và ngôn-ngữ-học, cả thấy đều làm cho ngài rất nên xứng đáng cho đời sau truyền tụng. Y như lời ngài đã viết, một cái tư-niệm thường ở lòng ngài : ngài muốn làm người trung-gian cho hai dân-tộc mới gặp nhau tại xứ Nam-kỳ, muốn làm cho hai dân-tộc ấy hiểu nhau và thương nhau, mà muốn

annamite, et de l'annamite en français, persuadé que derrière la langue, derrière les mots, passeraient un jour les idées et, pour les Annamites, l'initiation à notre civilisation.

Tel fut ce grand citoyen, dans le sens antique du mot, à qui le Gouvernement de la Cochinchine est heureux de rendre un hommage solennel.

A cet homme d'une extraordinaire érudition, d'un patriotisme clairvoyant, et d'une abnégation si rare, cette statue était due, Messieurs ! Et c'est justice qu'elle s'élève en bordure de cette voie magnifique, sans pareille dans tout l'Extrême-Orient, au cœur de cette ville de Saigon, devenue, sous l'égide de la France, comme Pétrus Ky l'avait pressenti, si grande, si belle et si prospère et qu'il avait connue, avant notre venue, si humble, si misérable, faite de quelques hameaux épars dans les marécages, autour de la vaste citadelle construite par l'ancien officier de Gia-Long, le Colonel français Olivier. Nul ne mit mieux en application le mot célèbre : « Tout homme a deux patries : la sienne et la France ». Pétrus Ky les servit toutes deux d'une même vaillante ardeur, d'une mé-

lâm vậy thì phải phiên-dịch luôn-luôn tiếng Langsa ra tiếng Annam và tiếng Annam ra tiếng Langsa, vì ngài chắc ý rằng ở sau tiếng nói, ở sau lời nói, một ngày kia sẽ phát ra nhiều tư-tưởng, mà về phần người Annam thì người sẽ có thể do theo đó mà học lẫn văn-minh Đại-pháp.

Ấy là thề-thống của người đại-trượng-phu hết lòng vì nước, khá phen nghĩa-khi ngàn xưa, mà ngày nay Chánh-phủ Nam-kỳ lấy làm hân-hạnh tôn-kính lên một cách rõ-ràng trọng-hậu.

Muốn truy-tặng vì bác-học siêu-quần có lòng ái-quốc quang-minh và có chí quèn mình ít thấy, thì cái bình này dựng lên đáng lắm, các Ngài ! Và thiệt là công-bình mà đề cho hình ấy đứng gần bên cái đại-lộ tốt-đẹp vô song tại cõi Viên-dông này, chính chỗ trung-tâm thành-phố Sài-gòn đây, là một cái thành-phố nhờ Đại-pháp chở-che bảo-hộ mà đã trở nên, y như đền Pétrus Ký tiên-sanh đoán trước, rất lớn, rất đẹp và rất thanh, khác hẳn ngày xưa, hồi chúng ta chưa đến, khi ấy thì ngài đã thấy cái thành đó rất nhỏ, rất nghèo, chỉ có vài xóm ở rải-rác trong một khoảnh đất lầy, xung quanh cái đồn lớn của quan chánh tổng-binh Langsa tên là Olivier coi cất khi người theo phò-tá đức vua Gia-long. Chẳng ai thật-hành đúng-dẫn hơn ngài câu cách-ngôn có tiếng

me foi. Elles apportent aujourd'hui à sa mémoire, un tribut égal d'admiration et de reconnaissance.



thường nghe : « Người nào cũng có hai quê-hương, là quê-hương thiết của mình và Pháp-quốc ». Pétrus Ký phụng sự cả hai với một dạ nhiệt-thành khăng-khải, một lòng tin-ngưỡng trung-trình. Ngày nay cả hai đều bài tạ danh ngài, đem đến hiến cho ngài một niềm tụng-dưc hoài-ân bất-nhị.



Trong một số người, nếu cũng có hai đũa
sắc, nhưng không biết dùng thế nào và phải
dùng thế nào để dùng nó, thì hai đũa này
không thể dùng được. Một đũa không thể dùng
được, vậy thì hai đũa này cũng không thể dùng
được. Đây là một bài học rất đơn giản.

